

Bản án số: 199/2022/HNGĐ-ST
Ngày 08/8/2022
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Đức Giôn và ông Nguyễn Văn Thịnh.

Ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Ngô Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội. Hiện trú tại: Tiểu khu Đ, thị trấn P, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1971; Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn T, xã T, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội.

Chị H có mặt; anh M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 06/6/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn M từ năm 1995 là hôn nhân tự nguyện tiến bộ và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội, đăng ký kết hôn lại năm 2008. Sau khi tổ chức đám cưới, chị về chung sống với anh M tại thôn T, xã T. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, không có tiếng nói chung trong việc làm ăn và sinh hoạt hàng ngày nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh chửi nhau, thậm chí còn gây thương tích cho chị. Do không thể chịu đựng tính vũ phu của anh M. chị bỏ đi và ly thân anh M đi từ năm 2010 đến nay. Sau đó anh M cũng dính vào nghiện ngập và phải chấp hành án phạt tù về tội ma túy, sau khi trở về địa phương cũng không thiết tha gì tới vợ con.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã lâu, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh M để giải phóng cho cả hai.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Văn T, sinh năm 1995; Nguyễn Văn S, sinh năm 1998 và Nguyễn Thị H1, sinh năm 2002 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa xét.

Vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn Nguyễn Văn M:

Quá trình tố tụng, anh M vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống ổn định tại địa phương. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh M theo quy định của pháp luật, tuy nhiên anh M vẫn cố tình không đến Tòa làm việc. Theo chị ruột anh M là bà Nguyễn Thị N cung cấp, quá trình chung sống vợ chồng anh M chị H thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xô xát do chị H thích cuộc sống hưởng thụ nhưng anh M điều kiện kinh tế không đáp ứng được, chị H đã nhiều lần bỏ anh M đi, lần cuối là năm 2010 và vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn liên quan gì đến nhau. Theo bà N thì phía anh M cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn. Đồng thời bà N cũng xác nhận vợ chồng anh M chị H có 03 con chung là Nguyễn Văn Th, sinh năm 1995; Nguyễn Văn S, sinh năm 1998, Nguyễn Thị H1, sinh năm 2002 đều đã trưởng thành và không có tài sản, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa xét.

UBND xã T nơi cư trú của đương sự có quan điểm:

Tại thời điểm giải quyết vụ án, phía anh M vẫn đang cư trú, sinh sống bình thường tại địa phương; Mâu thuẫn giữa chị H và anh M đã trầm trọng, nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra việc cãi vã, xô xát; Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên chị H bỏ đi và ly thân anh M từ năm 2010 đến nay; Xét thời gian vợ chồng anh M chị H ly thân đã lâu, hôn nhân chỉ còn là hình thức nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh M; Vợ chồng H, M có 03 con chung là Nguyễn Văn T, sinh năm 1995; Nguyễn Văn S, sinh năm 1998 và Nguyễn Thị H1, sinh năm 2002 đều đã trưởng thành và tâm sinh lý bình thường nên không đặt ra xem xét...

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

- Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự đã được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H; 03 con chung của anh M, chị H đều đã trưởng thành nên không xét, Về tài sản chung và công nợ chung đều không có nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án về tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, do nơi cư trú của bị đơn thuộc xã T, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội nên việc Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Chị Nguyễn Thị H kết hôn với anh Nguyễn Văn M là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội năm 1995, đăng ký lại ngày 29/12/2008. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, khác biệt về lối sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Do mâu thuẫn quá trầm trọng, chị H đã nhiều lần bỏ đi, lần cuối là năm 2010 và không quay lại với nhau nữa, vợ chồng ly thân đến nay đã 12 năm. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh M đều cố tình vắng mặt không có lý do phần nào chứng tỏ việc anh M không mong muốn được hòa giải đoàn tụ. Bản thân anh M và gia đình cũng xác định vợ chồng anh M, chị H không còn tình cảm, không còn liên quan gì đến nhau nên nhất trí đề nghị Tòa giải quyết cho chị H ly hôn.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh M đã đến mức trầm trọng, cả hai phía đều có chung nhận thức tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân do đó không đạt được, thời gian ly thân đã quá lâu, hôn nhân tồn tại chỉ là hình thức...nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Văn T, sinh năm 1995; Nguyễn Văn S, sinh năm 1998 và Nguyễn Thị H1, sinh năm 2002 đều đã trưởng thành và phát triển tâm sinh lý bình thường nên không xét.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các bên thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung và không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Hương phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H, anh M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn M.
2. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung đều đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xét.
3. Về tài sản, công nợ chung: Các bên không đề nghị giải quyết nên không xét.
4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm; được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2020/0047882 ngày 27/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên. Chị H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội
- VKSND huyện Phú Xuyên
- Chi cục THA huyện Phú Xuyên
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phùng Văn Phong